

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2022

V/v “T/C ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lục Thị Xinh.

2. Ông Nông Quang Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị Th, sinh năm 1991.(Có mặt)

Nơi cư trú: ĐKHKT: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1991. (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

Nơi cư trú: ĐKHKT: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Nông Thị T trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Th và anh Triệu Văn T được tìm hiểu tình cảm với nhau rồi tự nguyện đi đến hôn nhân. Năm 2009 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Ngày 29/3/2012 chị Th và anh T đến Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn làm thủ tục đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ (Bên chồng) tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018. Từ năm 2019 – 2021 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đánh đập, bạo hành rất nhiều lần, được chính quyền thôn can thiệp hòa giải nhưng không thể hòa hợp, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Vì vậy, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh T không chịu đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị Th vẫn liên lạc qua điện thoại với anh T, anh T biết chị Th làm đơn xin ly hôn, anh T nói qua điện thoại với chị Th về việc chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh là không đồng ý. Nhưng chị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn giải quyết vắng mặt anh T là cho chị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T có mâu thuẫn chính quyền địa phương đã khuyên giải nhưng không thành. Xác định Hộ khẩu thường trú hiện nay của anh T là ở tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Về con chung: Chị Th và anh Tài có 02 con chung. Họ và tên là Triệu Thùy D, sinh ngày 29/11/2010 và Triệu Khánh D, sinh ngày 31/10/2015. Hiện nay hai con đang ở với anh T và ông bà nội là ông Triệu Hữu B và Bà Thị D tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn hai con khỏe mạnh ăn ở học tập và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Nhưng do chị Th đi làm xa nhà và chưa có nhà ở, nên chị Th có nguyện vọng giao hai con cho anh tài trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục còn chị Th sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000đ, trên một tháng. Cấp dưỡng nuôi hai con là 4.000.000đ, trên một tháng.

Về tài sản chung: Chị Nông Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nông Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. **Bị đơn anh Triệu Văn T quá trình tố tụng:** Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án anh T đều vắng mặt không hợp tác làm việc với Tòa án; nhưng qua quá trình tố tụng xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xác định giữa anh T với chị Th có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới hỏi, có đăng ký kết hôn hợp pháp, có hộ khẩu thường trú và vợ chồng chung sống tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian. Sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên vợ chồng chính thức sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, anh T có biết chị Th làm đơn ly hôn và giải quyết con chung,

cấp dưỡng nuôi con chung, anh tài có được ký vào đơn xin ly hôn của chị Th ngày 09/02/2022.

Về con chung: Xác định anh T và chị Th có 02 con chung đúng như chị Th đã trình bày. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không hợp tác nhưng theo chị Th thì anh T có nguyện vọng nuôi cả 02 con. Anh T yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi cả 02 con là 4.000.000đ trên một tháng.

Về tài sản chung: Anh T không có ý kiến

Về nợ chung: Anh T không có ý kiến.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của con chung: là Triệu Thùy D sinh ngày 29/11/2010 có ý kiến nếu bố mẹ buộc phải ly hôn thì con chung Triệu Thùy D có nguyện vọng được ở với bố, ở với ông, bà nội và muốn cả em Triệu Khánh D sinh ngày 31/10/2015 cùng được ở với bố, ở với ông, bà nội tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh T và thông báo cho các bên đương sự về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các Điều 175, 177, 179/BLTTDS. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Còn tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi tiến hành xét xử và đến trước khi nghị án đối với chị Th nguyên đơn chấp hành pháp luật đầy đủ. Tuy nhiên, đối với anh T bị đơn không chấp hành pháp luật đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227/ Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Cho chị Nông Thị Th được ly hôn anh Triệu Văn T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao hai con chung là Triệu Thùy D, sinh ngày 29/11/2010 và Triệu Khánh D sinh ngày 31/10/2015 cho anh Triệu Văn T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. (theo nguyện vọng của con chung).

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nông Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền mỗi con chung là 2.000.000đ trên một tháng. Hai con là 4.000.000đ, trên một tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nông Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Th không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, thấy anh Triệu Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, nhưng anh T hay vắng mặt tại địa phương. Nên anh T không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Mặc dù Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập, giao thông báo hợp lệ cho anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh T theo quy định. Trong thời gian anh T vắng mặt tại địa phương có gọi điện hỏi thăm, động viên, việc học hành của các con. Do anh T không hợp tác nên, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình cha, mẹ anh T và chính quyền địa phương. Nội dung xác minh về tình trạng hôn nhân của anh tài với chị Th và xác minh Hộ khẩu thường trú của anh T. Kết quả xác minh thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T có mâu thuẫn đã nhờ đến thôn tổ địa phương khuyên giải nhưng không thành. Về Hộ khẩu địa phương xác định Hộ khẩu thường trú của anh T hiện nay ở tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án xét thấy cần thiết phải niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định chị Nông Thị Th và anh Triệu Văn T được tìm hiểu tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi, có đăng ký kết hôn. Nên về quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung đời sống chung không thể hòa hợp, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Vì vậy, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh T không chịu đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nhưng có liên lạc qua điện thoại và nói với chị Th là không đồng ý ly hôn chị Th là quyền của anh T. Xét thấy chị Th đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh T, chị Th nhất quyết được ly hôn anh theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nội dung của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Th xin được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên.

Về con chung: Xác định Chị Th và anh Tài có 02 con chung là Triệu Thùy D, sinh ngày 29/11/2010 và triệu Khánh D, sinh ngày 31/10/2015. Hiện nay hai con đang ở với anh T, ở với ông, bà nội tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn hiện nay hai con khỏe mạnh ăn, ở, học tập và phát triển bình thường.

Xét về điều kiện nuôi con chung: Đối với anh Triệu Văn T, hiện nay anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên anh T hay vắng mặt tại địa phương hay đi làm xa nhà thỉnh thoảng có gọi điện hỏi thăm con cái, gia đình có nhà ở chung với bố mẹ và được bố mẹ anh T đồng ý và ông, bà nội sẽ giúp anh T trông nom lúc anh T đi làm xa nhà, đối với chị Th hiện nay chị đi làm xa nhà, chưa có nhà ở ổn định nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết việc giao hai con cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo và phù hợp với nguyện của con chung. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung nhưng do chị đi làm công ty và không có nhà ở ổn định nên chị Th có nguyện vọng giao hai con cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là vì anh T hiện nay có nhà ở

chung với bố mẹ, bố mẹ anh T có ý kiến nếu chị Th, anh T ly hôn thật sự thì ông bà nhất trí cho anh T và hai cháu D và cháu D được ở với anh T và ở với ông bà, ông bà giúp anh T trông nom chăm sóc cho hai cháu ăn ở học tập và chị Th nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000đ, trên một tháng. Cấp dưỡng nuôi hai con là 4.000.000đ, trên một tháng. Hiện nay chị Th mỗi tháng thu nhập khoảng 7.000.000đ, đến 8.000.000đ. Nên xét thấy chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung theo định kỳ hàng tháng là phù hợp.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị Th là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227/ BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Th xin được ly hôn anh Triệu Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Th được ly hôn anh Triệu Văn T.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao con chung Triệu Thùy D, sinh ngày 29/11/2010 và Triệu Khánh D sinh ngày 31/10/2015 cho anh Triệu Văn T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi (hiện nay hai con chung đang ở với anh Triệu Văn T và ông, bà nội tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn).

Chị Nông Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung. Mỗi con chung là 2.000.000,đ trên một tháng,(Tổng số tiền của hai con là 4.000.000đ, trên một tháng) cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực.Việc thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, chị Nông Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2] Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu. Nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nợ chung: Chị Th không yêu cầu. Nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí

Tòa án. Chị Nông Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số 00001335 ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Nông Thị Th còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, để sung quỹ nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cạn

